

Thứ hai, ngày 24 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Giảm điểm trên diện rộng

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/2/2020		●	
Tuần 24/2-28/2/2020		●	
Tháng 2/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên sáng, VN-Index đã nhanh chóng sụt giảm mạnh và quay về áp sát ngưỡng 900 điểm. Áp lực quá lớn từ một loạt các mã bluechips như VIC, BID, VCB, TCB, CTG đã khiến cho chỉ số chìm trong sắc đỏ. Tới phiên chiều, thị trường không có chuyển biến tích cực và duy trì vận động theo xu hướng giảm. Phiên điều chỉnh mạnh 3.2% của VN-Index có diễn biến đồng thuận với các TTCK khác trong khu vực, đặc biệt chỉ số Kospi của Hàn Quốc cũng跌 mất hơn 3% trong phiên hôm nay. Lo ngại về dịch bệnh bùng phát mạnh tại Hàn Quốc, một trong những nước Việt Nam có quan hệ giao thương mật thiết, cũng khiến cho tâm lý nhà đầu tư chuyển biến tiêu cực.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/2/2019, các chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao tăng.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngành Được_ 0.2%. 4/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Đặc biệt, danh mục **Ngành Được** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.2%**, con số này của VNINDEX là -3.2%

Phân tích kỹ thuật: NKG_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-29.75 điểm**, đóng cửa 903.34. HNX-Index **-3.91 điểm**, đóng cửa 104.18.
- Kéo chỉ số tăng: **DHG (+0.05); SHP (+0.04); PHR (+0.03); SII (+0.02); FRT (+0.02).**
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-3.62); VIC (-2.59); VHM (-2.03); VCB (-1.97); TCB (-1.57).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,163 tỷ đồng**, **+32%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 14.15 điểm. Thị trường có 42 mã tăng, 39 mã giảm, 330 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **0.36 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm SJS (140.48 tỷ), HPG (33.22 tỷ) và HBC (10.41 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **37.15 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

903.34

Giá trị: 4163.55 tỷ

-29.75 (-3.19%)

Khối ngoại (ròng): -0.36 tỷ

HNX-INDEX

104.18

Giá trị: 711.14 tỷ

-3.91 (-3.62%)

Khối ngoại (ròng): -37.15 tỷ

UPCOM-INDEX

55.23

Giá trị: 0.27 tỷ

-1.07 (-1.9%)

Khối ngoại (ròng): -15.65 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	51.5	-3.60%
Giá vàng	1,687	2.66%
Tỷ giá USD/VND	23,251	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,195	0.41%
Tỷ giá JPY/VND	20,897	0.29%
LS liên NH 1 tháng	2.9%	13.37%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-1.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	62.2	SJS	140.5
VCB	37.4	HPG	33.2
VHM	28.8	HBC	10.4
VNM	23.9	SGN	10.4
CTG	20.2	ROS	7.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **4/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.2%**, con số này của VNINDEX là -3.2%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **3/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **1/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_0.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngành Dược	0.2%	1.9%	9.1%	1.2%	8.4%	10.7%	41.1%	17.7%
FTSE Việt Nam	-2.4%	-2.2%	-7.8%	-10.7%	-9.4%	-8.5%	70.4%	15.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-2.8%	-2.3%	-7.9%	-12.1%	-10.4%	-9.5%	58.9%	13.9%
Hàng tiêu dùng	-3.0%	-0.8%	-5.2%	-14.1%	-15.6%	-9.3%	37.3%	17.6%
Vật liệu Xây dựng	-3.3%	-1.2%	-5.2%	-8.6%	-7.9%	-2.0%	-5.1%	18.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-3.4%	-3.8%	-3.3%	-3.9%	-7.8%	-0.2%	32.2%	14.6%
Nước & Năng lượng	-3.8%	-4.5%	-6.5%	-14.0%	-14.8%	-10.2%	30.5%	14.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-3.8%	-3.3%	-6.4%	-8.8%	-6.2%	0.1%	47.6%	15.5%
BĐS & Khu công nghiệp	-3.9%	-4.0%	-7.9%	-12.9%	-12.8%	-8.0%	33.2%	16.2%
Chiến tranh thương mại	-4.1%	-3.5%	-7.2%	-13.4%	-18.8%	-11.5%	-3.2%	15.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-4.1%	-2.9%	-5.1%	-3.5%	1.1%	20.9%	87.1%	19.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	-4.1%	-4.3%	-7.4%	-11.0%	-9.0%	-6.8%	39.7%	14.7%
Dầu khí	-4.6%	-5.9%	-10.5%	-22.3%	-23.3%	-17.4%	-5.5%	22.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-4.7%	-4.8%	-6.2%	-8.4%	-4.5%	5.2%	53.0%	17.3%
VN FinSelect	-4.8%	-5.4%	-2.3%	-2.4%	5.4%	2.8%	32.7%	18.1%
VN Diamond	-4.8%	-4.4%	-4.4%	-6.3%	-1.7%	7.5%	51.7%	17.2%
Lãi suất giảm	-4.9%	-5.1%	-2.6%	-6.2%	-9.8%	-7.4%	35.5%	17.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-4.9%	-5.7%	-2.1%	-0.9%	7.9%	6.5%	39.7%	19.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-5.0%	-4.3%	-10.3%	-15.5%	-20.0%	-22.4%	22.5%	21.4%
Xây dựng	-5.1%	-4.7%	-4.4%	-14.9%	-20.7%	-24.5%	-8.5%	18.3%
Ngân hàng	-5.5%	-6.8%	-3.2%	1.1%	10.0%	15.8%	74.8%	21.8%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 17	-3.1%	-1.7%	-6.5%	-10.8%	-10.8%	-3.1%	108.1%	18.4%
Danh mục 7	-3.2%	-2.8%	-7.4%	-9.1%	-8.1%	-1.4%	79.0%	16.5%
Danh mục 13	-3.2%	-2.5%	-6.3%	-9.9%	-7.5%	4.8%	52.0%	15.5%
Danh mục 9	-4.3%	-4.3%	-8.9%	-7.8%	-2.7%	9.1%	69.1%	17.4%
Danh mục 6	-4.3%	-1.7%	-4.4%	-7.6%	-5.1%	3.6%	57.2%	20.3%
* Note	31/8 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày thấp nhất của VNINDEX							

* Note **3/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 19	-3.2%	-2.7%	-7.9%	-8.7%	-5.3%	6.6%	45.0%	15.4%
Danh mục 20	-3.4%	-3.2%	-6.8%	-9.7%	-6.4%	3.6%	64.9%	16.9%
Danh mục 25	-3.4%	-1.5%	-7.1%	-7.9%	-7.7%	11.3%	88.4%	16.9%
Danh mục 23	-4.0%	-3.4%	-6.0%	-9.6%	-7.0%	-0.4%	38.0%	16.9%
Danh mục 24	-4.1%	-2.7%	-4.5%	-5.5%	-2.2%	9.7%	50.9%	19.3%

* Note **1/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

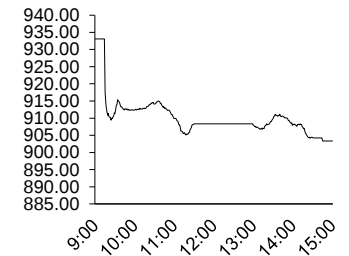
INDEX								
VNINDEX	-3.2%	-3.4%	-7.7%	-10.4%	-9.2%	-6.9%	28.0%	15.4%
VN30INDEX	-3.6%	-3.3%	-6.4%	-9.6%	-7.0%	-8.2%	26.4%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

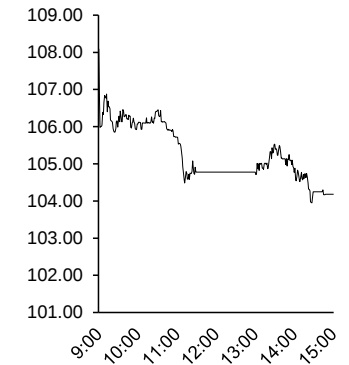
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	0.0%
Y tế	-0.2%
Truyền thông	-1.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.9%
Thực phẩm và đồ uống	-2.1%
Hóa chất	-2.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.3%
Bất động sản	-2.6%
Du lịch và Giải trí	-2.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.8%
Tài nguyên Cơ bản	-3.2%
Bán lẻ	-3.6%
Xây dựng và Vật liệu	-3.7%
Công nghệ Thông tin	-3.9%
Dịch vụ tài chính	-4.0%
Bảo hiểm	-4.1%
Ngân hàng	-4.5%
Dầu khí	-4.6%
Ô tô và phụ tùng	-5.3%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

NKG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: NKG vẫn đang ở trong xu hướng tăng giá từ cuối năm ngoái cho đến nay với xuất phát điểm là nền giá 5.6. Thanh khoản cổ phiếu thời gian gần đây vẫn giữ giá trị khá ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật hiện vẫn đang nghiêng về chiều hướng tích cực. Hôm nay, chỉ báo MACD đã xuất hiện Golden Cross báo hiệu sự tiếp tục chu kỳ tăng giá sau giai đoạn điều chỉnh sau Tết Nguyên Đán. Đường EMA12 vẫn đang ở trên EMA26 tạo thành một dải hỗ trợ mềm nâng đỡ giá cổ phiếu. Theo đánh giá của chúng tôi, NKG tiềm năng trở lại đỉnh cũ tại mệnh giá 10 và có thể vượt được mốc này để tiến tới khu vực cao hơn.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

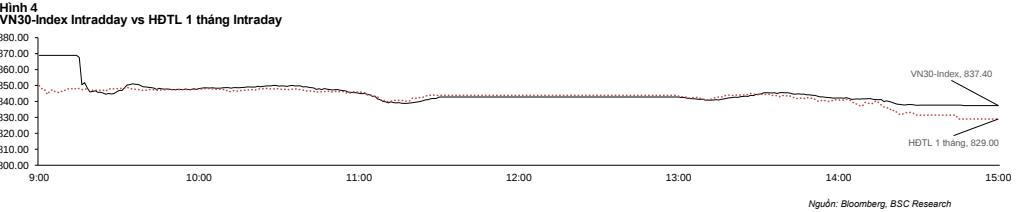
HPG_ Tăng giá

[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2003	829.00	-3.92%	-8.40	14.3%	128478	3/19/2020	26
VN30F2004	830.00	n/a	-7.40	13.0%	279	4/16/2020	54
VN30F2006	835.00	-3.64%	-2.40	56.7%	141	6/18/2020	117
VN30F2009	831.00	-3.94%	-6.40	-18.8%	78	9/17/2020	208

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -31.49 điểm xuống mức 837.40 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, MBB, HPG, và MWG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm tiêu cực ngay đầu phiên, tích lũy dưới 850 điểm, trước khi tiếp tục giảm mạnh xuống quanh 840 điểm. Sang phiên chiều, VN30 giảm co quanh vùng 840-845 điểm, trước khi tiếp tục điều chỉnh giảm cuối phiên xuống trên 835 điểm. Thanh khoản tăng mạnh, VN30 lùi về mức hỗ trợ mạnh quanh 835 điểm, và có thể tích lũy quanh vùng này trong các phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2003 và VN30F2006 đang tăng, trái lại VN30F2004 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 875 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2001	HSC	6/22/2020	119	2.1	200,260	-72.5%	5.0 triệu	26.14%	1,500	4,400	-9.09%	3,565.90	1.23
CROS2001	KIS	6/19/2020	116	3.1	1,049,010	10.5%	10.0 triệu	47.63%	1,500	110	-15.38%	629.40	3.15
CSTB2002	KIS	12/16/2020	296	1.1	38,810	87.4%	3.0 triệu	22.35%	1,700	1,980	-15.38%	318.20	3.71
CREE1905	MBS	6/17/2020	114	3.1	79,960	109.5%	2.4 triệu	23.89%	2,150	1,180	-15.71%	552.60	2.46
CSTB2001	KIS	6/19/2020	116	1.1	408,030	91.5%	5.0 triệu	22.35%	1,500	1,360	-18.07%	8,823.40	1.01
CVPB1901	VND	3/5/2020	10	1.1	85,130	-42.2%	2.0 triệu	26.14%	3,500	8,900	-18.12%	3.20	250.00
CHPG2003	MBS	5/4/2020	70	3.1	324,530	64.7%	6.0 triệu	26.32%	1,570	800	-18.37%	537.60	2.23
CMWG2002	MBS	4/24/2020	60	10.1	146,420	-40.5%	2.0 triệu	23.93%	1,950	1,200	-18.37%	431.20	2.74
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	60	3.1	175,980	-27.3%	2.0 triệu	21.92%	2,200	1,180	-18.62%	2,779.40	2.31
CVHM1902	SSI	4/22/2020	58	1.1	46,480	595.8%	1.0 triệu	22.09%	18,600	6,410	-19.07%	883.10	1.66
CHDB2002	MBS	4/10/2020	46	2.1	152,020	-20.5%	1.5 triệu	23.77%	1,950	1,470	-21.39%	796.40	2.20
CFPT1908	MBS	6/17/2020	114	3.1	359,150	47.6%	2.4 triệu	23.16%	3,150	1,750	-21.52%	250.20	2.88
CHPG1909	KIS	5/15/2020	81	3.1	414,140	121.5%	5.0 triệu	26.32%	1,800	720	-21.74%	310.50	3.19
CMWG2001	HSC	6/22/2020	119	10.1	101,300	124.3%	5.0 triệu	23.93%	1,700	990	-22.05%	365.60	2.87
CMBB2001	HSC	6/22/2020	119	2.1	488,370	36.1%	5.0 triệu	21.40%	1,600	1,050	-22.22%	2,125.40	1.46
CHPG1907	SSI	4/22/2020	58	3.1	72,800	417.4%	1.0 triệu	26.32%	4,200	3,100	-22.50%	13.30	25.56
CMBB1905	HSC	4/8/2020	44	3.1	969,730	122.7%	5.0 triệu	21.40%	1,700	340	-27.66%	1,101.10	2.34
CFPT1905	SSI	4/22/2020	58	1.1	121,990	34.3%	1.0 triệu	23.16%	9,900	2,580	-31.56%	1,508.50	1.61
CTCB1902	VND	6/5/2020	102	1.1	231,270	176.1%	2.0 triệu	24.18%	5,300	2,430	-31.74%	176.80	10.63
CREE1903	SSI	4/22/2020	58	1.1	3,850	98.5%	1.0 triệu	23.89%	7,600	1,880	-32.62%	157.40	5.08
CMBB1903	SSI	4/22/2020	58	1.1	213,560	10.6%	3.0 triệu	21.40%	4,000	800	-38.46%		
Tổng:					5,682,790		70.30 triệu	24.84%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 24/2/2019, các chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao tăng.

- Về giá, CMBB1903 và CREE1903 giảm mạnh lần lượt -38.46%, -32.62%. Thanh khoản thị trường tăng 21.43%. CVJC1901 và CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, lần lượt tại 12.55% và 12.14% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
SBT	21.85	-0.68	-0.05
EIB	17.20	-0.58	-0.14
NVL	53.60	-0.74	-0.18
GAS	83.90	-1.76	-0.20
ROS	7.91	-6.94	-0.21

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	21.5	-6.93	-4.96
VPB	26.8	-6.94	-4.65
MBB	20.1	-5.19	-2.09
HPG	22.7	-3.61	-1.92
MWG	106.2	-3.98	-1.77

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2001	23,000	20,000	26,800
CROS2001	32,468	26,468	7,910
CSTB2002	13,588	11,888	10,850
CREE1905	41,050	34,600	33,650
CSTB2001	12,499	10,999	10,850
CVPB1901	21,500	18,000	26,800
CHPG2003	26,810	22,100	22,700
CMWG2002	129,500	110,000	106,200
CPNJ2001	94,500	83,500	81,200
CVHM1902	103,600	85,000	84,000
CHDB2002	29,900	26,000	27,250
CFPT1908	63,450	54,000	52,500
CHPG1909	28,280	24,680	22,700
CMWG2001	132,000	115,000	106,200
CMBB2001	24,200	21,000	20,100
CHPG1907	25,200	21,000	22,700
CMBB1905	26,400	23,000	20,100
CFPT1905	64,900	55,000	52,500
CTCB1902	26,300	21,000	21,500
CREE1903	43,600	36,000	33,650
CMBB1903	26,000	22,000	20,100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	106.2	-4.0%	0.8	2,093	7.2	8,655	12.3	3.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	81.2	-3.1%	1.2	795	4.0	5,327	15.2	4.0	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	56.0	-4.3%	1.3	1,807	0.5	1,632	34.3	2.2	29.4%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.2	-3.1%	0.7	314	0.3	2,859	10.9	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	107.3	-2.4%	0.9	15,780	6.6	2,268	47.3	4.8	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	29.4	-4.4%	1.1	2,900	1.8	1,253	23.4	2.5	33.0%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.6	-0.7%	0.8	2,259	0.8	3,563	15.0	2.3	6.5%	16.3%
REE	Bất động sản	33.7	-3.9%	1.1	454	1.5	5,286	6.4	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	11.9	-6.7%	1.6	269	1.2	2,849	4.2	0.9	43.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	16.3	-6.9%	1.4	366	2.5	1,787	9.1	0.9	53.9%	9.9%
VCI	Chứng khoán	27.2	-2.9%	1.0	194	0.0	4,218	6.4	1.1	35.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.6	-6.9%	1.9	233	2.0	1,421	12.4	1.2	55.0%	11.7%
FPT	Công nghệ	52.5	-4.0%	0.9	1,548	5.2	4,225	12.4	2.5	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	47.0	-0.8%	0.4	508	0.1	4,156	11.3	2.8	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	83.9	-1.8%	1.5	6,982	1.3	6,096	13.8	3.3	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	50.6	-4.2%	1.5	2,620	1.0	3,495	14.5	2.6	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	15.4	-6.1%	1.4	320	2.9	1,529	10.1	0.6	20.7%	6.2%
BSR	Dầu khí	7.3	-5.2%	0.8	984	0.7	1,163	6.3	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	98.0	1.2%	0.5	557	0.4	4,668	21.0	3.8	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.9	-4.4%	0.6	202	0.2	774	15.3	0.6	18.9%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.1	-2.3%	0.6	140	0.2	600	10.1	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	87.2	-2.0%	1.2	14,061	3.8	5,004	17.4	3.8	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	46.3	-6.5%	1.7	8,096	2.2	2,398	19.3	2.5	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	24.4	-5.6%	1.5	3,950	13.3	2,541	9.6	1.2	29.6%	13.1%
VPB	Ngân hàng	26.8	-6.9%	1.2	2,841	9.6	3,370	8.0	1.5	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	20.1	-5.2%	1.1	2,051	10.8	3,480	5.8	1.2	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	24.0	-6.6%	1.2	1,729	11.0	3,686	6.5	1.4	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	42.0	-5.6%	0.8	149	0.3	5,165	8.1	1.4	79.8%	17.2%
NTP	Nhựa	28.7	-5.3%	0.2	122	0.0	4,167	6.9	1.1	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	0.0%	1.1	632	0.0	732	20.1	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.7	-3.6%	1.0	2,725	12.9	2,581	8.8	1.3	38.6%	17.0%
HSG	Thép	7.8	-4.9%	1.8	143	2.5	1,161	6.7	0.6	18.4%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	106.4	-1.9%	0.8	8,056	4.4	5,478	19.4	6.7	58.6%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	178.0	-1.4%	0.8	4,963	0.3	7,477	23.8	6.1	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	51.1	-3.6%	1.2	2,597	3.2	4,772	10.7	1.4	38.7%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	21.9	-0.7%	0.4	557	2.4	508	43.1	1.8	6.5%	4.4%
ACV	Vận tải	54.6	-9.0%	0.8	5,168	0.5	2,630	20.8	3.9	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	128.0	-0.5%	1.1	2,915	1.7	7,889	16.2	4.4	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	25.1	-6.9%	1.7	1,545	1.3	1,640	15.3	2.0	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	18.9	-4.8%	0.9	244	0.4	1,595	11.8	1.0	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	12.8	-3.0%	0.6	157	0.4	2,421	5.3	0.8	31.5%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.0	-9.5%	1.1	459	1.6	8,824	7.5	3.1	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	-2.7%	0.7	351	0.4	1,454	12.4	1.3	13.2%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	-1.0%	0.9	241	0.0	1,953	7.5	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	62.3	-6.9%	1.0	207	0.7	8,858	7.0	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.1	-2.8%	1.0	463	0.1	1,567	15.4	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	23.0	-1.3%	0.3	248	0.5	2,769	8.3	1.0	50.4%	12.9%
POW	Điện	10.0	-7.0%	0.6	1,018	1.5	1,064	9.4	0.9	13.0%	9.7%
NT2	Điện	19.4	-4.4%	0.5	243	0.4	2,577	7.5	1.4	18.7%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHG	98.00	1.24	0.05	88130.00
SHP	23.85	6.00	0.04	10.00
PHR	48.00	1.69	0.03	1.15MLN
FRT	22.30	4.21	0.02	1.10MLN
SII	17.15	6.85	0.02	10.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	-0.01	-3.74	1.08MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-2.56	1.43MLN	607060.00
VHM	0.00	-2.05	619380.00	373600.00
VCB	0.00	-1.94	995910.00	192700.00
TCB	-0.01	-1.63	7.51MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTL	9.19	6.98	0.01	870.00
CLW	29.95	6.96	0.01	10190.00
JVC	3.55	6.93	0.01	1.55MLN
SPM	13.25	6.85	0.00	3000.00
SII	17.15	6.85	0.02	10.00

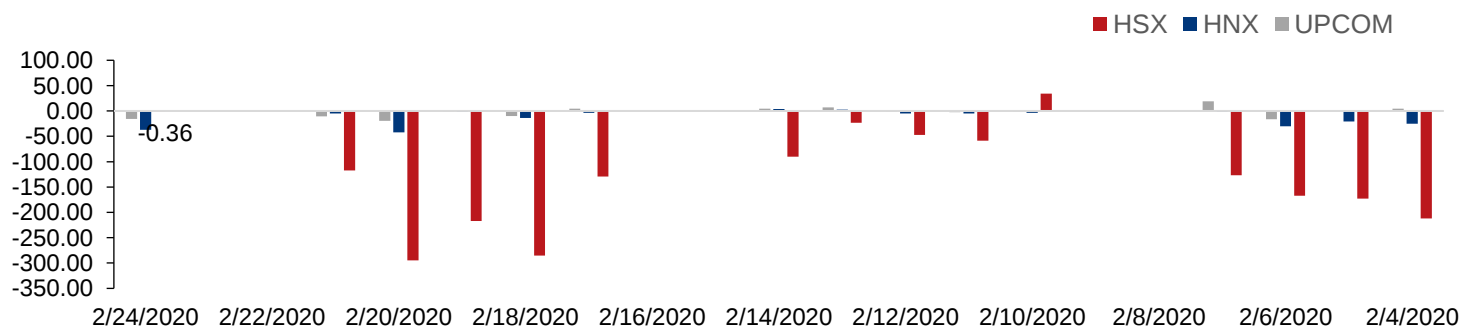
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGI	17.65	-12.84	-0.07	5330.00
FIT	8.65	-6.99	-0.05	673310.00
FLC	3.73	-6.98	-0.06	19.08MLN
LSS	5.73	-6.98	-0.01	275940.00
SZL	36.65	-6.98	-0.02	117690.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
2	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
5	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
6	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
20	2019M2_Biến động giảng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	98.0	4,668	21.0	3.8	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	26.3	5,020	5.2	1.2	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	81.2	5,327	15.2	4.0	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	12.8	2,421	5.3	0.8	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	164.8	29,035	5.7	4.5	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	12.3	0	35.1	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	106.2	8,655	12.3	3.9	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	24.0	3,686	6.5	1.4	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.4	2,736	4.5	0.7	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	21.5	2,881	7.5	1.2	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	87.2	5,004	17.4	3.8	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	26.5	7,028	3.8	1.3	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	52.5	4,225	12.4	2.5	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	26.0	3,897	6.7	1.2	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	14.8	2,236	6.6	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	30.0	2,846	10.5	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	51.1	4,772	10.7	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	106.4	5,478	19.4	6.7	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	20.3	3,700	5.5	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu) Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn